

Số: 55/TTr-HĐQT

Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 7 năm 2024

## TỜ TRÌNH

V/v đề nghị thông qua nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên  
Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên  
Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP.

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP;*

*Căn cứ Văn bản số 3603/UBND-KT<sub>2</sub> ngày 25/6/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP năm 2024,*

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Quý cổ đông thông qua nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP năm 2024 các nội dung như sau:

**1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động SXKD của Ban điều hành năm 2023; Triển khai nhiệm vụ năm 2024** (Chi tiết tại Báo cáo của HĐQT trình đại hội).

**2. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024; Triển khai nhiệm vụ trọng tâm nhiệm kỳ 2024 – 2029** (Chi tiết tại Báo cáo của HĐQT trình đại hội).

**3. Báo cáo của Ban kiểm soát Tổng Công ty năm 2023, triển khai nhiệm vụ năm 2024** (Chi tiết tại Báo cáo của Ban kiểm soát trình đại hội).

**4. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2023**

### 4.1. Kết quả SXKD năm 2023:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	So sánh TH/KH (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.800	1.708,8	95
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15	(40,5)	

3	Nộp NS các loại thuế, phí	Tỷ đồng	45	31,3	69,6
4	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	8,5	9,05	106,5

#### 4.2. Các chỉ tiêu và nội dung khác:

- Tình hình thực hiện đầu tư năm 2023:

TT	Tên dự án	Kế hoạch (Tỷ đồng)	Thực hiện (Tỷ đồng)	Đạt (%)
1	Mua sắm, đầu tư, sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ SXKD và ĐT khác	5	0	0
2	Dự án ĐTXD Trung tâm Logistics Vũng Áng GĐ1	20	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Nguyên nhân chưa thực hiện đầu tư: Do suy thoái kinh tế thế giới cũng như trong nước, hoạt động khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn nên trong năm đã không tiến hành đầu tư, mua sắm mới và sửa chữa lớn tài sản cố định. Dự án logistic đang trong quá trình nghiên cứu, tìm kiếm các đối tác phù hợp nên việc triển khai chưa thực hiện được.

- Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu tín dụng, huy động vốn năm 2023 (Công ty mẹ):

+ Tín dụng: Trả nợ cho các Ngân hàng: 14,2 tỷ đồng/KH 16 tỷ đồng, đạt 88,7%. Trong đó: Nợ gốc: 12,3 tỷ đồng; Nợ lãi: 1,9 tỷ đồng.

+ Huy động vốn: Vốn vay trung, dài hạn và vốn huy động khác: 0 tỷ đồng/KH 0 tỷ đồng; Vốn vay ngắn hạn: 0 tỷ đồng/KH 20 tỷ đồng.

**4.3. Đánh giá chung:** Năm 2023 mặc dù kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đạt thấp do nhiều yếu tố khách quan mang lại (khủng hoảng địa chính trị trên thế giới, dịch bệnh,...) nhưng tập thể lãnh đạo, CBCNV Tổng công ty đã có nhiều nỗ lực nên nguồn vốn của nhà nước, của cổ đông được bảo toàn và phát triển (kết quả năm 2023 Công ty Mẹ vẫn có lãi hơn 1,26 tỷ đồng), năm 2023 đã tiến hành chi trả cổ tức theo đúng Nghị quyết Đại hội với tổng số tiền gần 20 tỷ đồng.

### 5. Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2024

#### 5.1. Kế hoạch SXKD:

- Công ty mẹ:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	400	
2	LN sau thuế	Tỷ đồng	5	
3	Nộp NS	Tỷ đồng	24	
4	Thu nhập BQ	đ/ng/tháng	7.500.000	

**- Toàn Tổng công ty:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.700	
2	LN sau thuế	Tỷ đồng	15	
3	Nộp NS	Tỷ đồng	35	
4	Thu nhập BQ	đ/ng/tháng	9.000.000	

**5.2. Kế hoạch đầu tư:**

Tổng giá trị đầu tư năm 2024 dự kiến là: 25 tỷ đồng, chi tiết:

Stt	Tên dự án	Số tiền đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
1	Mua sắm, đầu tư, SCL TSCĐ PVSX kinh doanh và đầu tư khác	5	
2	Dự án ĐTXD trung tâm Logistics Vũng Áng GD1	20	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>25</b>	

**6. Kế hoạch Tài chính, Tín dụng, Huy động vốn năm 2024****6.1. Tổng công ty:***Kế hoạch Tài chính*

- Doanh thu: 1.700 tỷ đồng
- Chi phí: 1.685 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 15 tỷ đồng

**6.2. Công ty mẹ:***\* Kế hoạch Tài chính*

- Doanh thu: 400 tỷ đồng
- Chi phí: 395 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 5 tỷ đồng

*\* Kế hoạch tín dụng:*

- Trả nợ cho các Ngân hàng: 15,86 tỷ đồng

Trong đó: + Nợ gốc: 13,86 tỷ đồng

+ Nợ lãi: 2,0 tỷ đồng

- Huy động vốn vay dài hạn: 0 tỷ đồng
- Huy động vốn vay ngắn hạn: 20 tỷ đồng

**7. Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán**

Báo cáo tài chính năm 2023 Tổng công ty đã lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC với các chỉ tiêu chính:

30/10/2024  
 KF  
 TH  
 1/11



**7.1. Bảng cân đối kế toán:**

T T	Chỉ tiêu	Công ty mẹ		HN Tổng công ty	
		Giá trị	tỷ lệ(%)	Giá trị	tỷ lệ(%)
1	<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.336.867.744.326</b>	<b>100</b>	<b>2.046.942.941.546</b>	<b>100</b>
-	Tài sản ngắn hạn	220.198.541.402	16,47	626.795.180.079	30,62
-	Tài sản dài hạn	1.116.669.202.924	83,53	1.420.147.761.467	69,38
2	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.336.867.744.326</b>	<b>100</b>	<b>2.046.942.941.546</b>	<b>100</b>
-	Nợ phải trả	204.254.331.596	15,28	879.593.183.278	42,97
-	Vốn chủ sở hữu	1.132.613.412.730	84,72	1.167.349.758.268	57,03
	Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu	1.101.135.914.618		1.101.135.914.618	

**7.2. Bảng kết quả hoạt động kinh doanh:**

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ	HN Tổng công ty
1	Doanh thu thuần	316.371.487.264	1.315.122.355.957
2	Lợi nhuận gộp	(9.707.263.210)	53.528.671.035
3	Tỷ lệ lãi gộp/doanh thu thuần		4,07%
4	Thu nhập tài chính	48.775.600.187	21.553.835.156
5	Chi phí tài chính	21.753.693.396	17.353.900.714
-	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>3.544.050.625</i>	<i>16.554.291.105</i>
6	Chi phí bán hàng	464.786.718	26.659.427.412
7	Chi phí quản lý	16.897.174.256	70.454.468.966
8	Lợi nhuận kinh doanh	(47.317.393)	(37.620.179.992)
9	Lợi nhuận khác	1.313.429.601	5.688.981.827
10	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.266.112.208	(31.931.198.165)
11	Thuế TNDN	0	9.021.577.913
12	Chi phí thuế TN hoãn lại	0	2.917.816.135
13	Lợi nhuận sau thuế	1.266.112.208	(43.870.592.213)
14	Lợi nhuận của cổ đông thiểu số		(18.042.980.331)
15	Lợi nhuận của Công ty mẹ		(25.827.611.882)

**8. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận được phân phối	Đồng	1.266.112.208
-	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	Đồng	0

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
-	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay (2023)	Đồng	1.266.112.208
2	Trích lập các quỹ:	Đồng	1.266.112.208
-	Quỹ khen thưởng phúc lợi (tối đa 3 tháng lương)	Đồng	1.266.112.208
3	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối = (1)-(2)	Đồng	0
4	Phân phối cổ tức cho cổ đông	Đồng	0
5	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau = (3)-(4)	Đồng	0

**9. Quyết toán chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023; Dự toán chi trả lương, thù lao cho HĐQT, BKS Tổng công ty năm 2024**

**9.1. Quyết toán chi trả lương, phụ cấp và thù lao HĐQT, BKS năm 2023:**

Năm 2023, Tổng công ty tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, thách thức. Trong lĩnh vực chăn nuôi dịch bệnh bùng phát, giá bán sản phẩm giảm mạnh, trong khi đó giá thức ăn chăn nuôi tăng cao làm cho các Công ty chăn nuôi thua lỗ. Tuy nhiên bằng sự nỗ lực cố gắng và quyết liệt, kịp thời trong công tác chỉ đạo, điều hành của HĐQT và Ban điều hành Tổng công ty đã giúp Tổng công ty vượt qua khó khăn và đạt được một số kết quả trong hoạt động SXKD.

Trên cơ sở đó, Tổng công ty đề xuất thống nhất quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát như sau:

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Chức danh	Số người	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)
<b>I</b>	<b>Quỹ lương</b>				0	
-	Chủ tịch HĐQT	1	420	420	0	
-	Trưởng ban kiểm soát	1	240	240	0	
-	Thành viên BKS	2	276	218,5	-57,50	
<b>II</b>	<b>Quỹ thù lao</b>				0	
-	Thành viên HĐQT không chuyên trách	3	216	216	0	
-	Thư ký HĐQT	2	48	48	0	
	<b>Cộng</b>	<b>9</b>	<b>1.200</b>	<b>1.142,5</b>	<b>-57,50</b>	

- Thanh toán chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS Tổng công ty: Giao Tổng giám đốc Tổng công ty thanh toán chi trả.

**9.2. Kế hoạch chi trả lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024:**

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Chức danh	Số người	Mức quỹ lương, thù lao/tháng	Thành tiền
<b>1</b>	<b>Quỹ lương</b>			
-	Chủ tịch HĐQT	1	38	456
-	Trưởng Ban kiểm soát	1	22	264
-	Thành viên BKS chuyên trách	1	13	156
<b>2</b>	<b>Quỹ thù lao</b>			
-	Thành viên HĐQT không chuyên trách	3	6	216
-	Thành viên BKS không chuyên trách	1	2	24
-	Thư ký HĐQT	2	2	48
	<b>Cộng</b>	<b>9</b>		<b>1.164</b>

Lương của Chủ tịch HĐQT, Ban kiểm soát và thù lao của thành viên HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **10. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029:**

##### **10.1. Nhân sự thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024**

###### ***\* Nhân sự thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024***

Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024 đến thời điểm hiện tại có 04 thành viên, các thành viên Hội đồng quản trị đều là người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty được ban hành tại Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tỷ lệ nắm giữ phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP, nhiệm kỳ 2019 – 2024 gồm:

(1) Ông Nguyễn Đình Toàn - Chủ tịch HĐQT; Tỷ lệ đại diện phần vốn nhà nước: 37,37% vốn điều lệ.

(2) Ông Lê Việt Thảo - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc; Tỷ lệ đại diện phần vốn nhà nước: 30% vốn điều lệ.

(3) Ông Võ Văn Lưu - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc; Tỷ lệ đại diện phần vốn nhà nước: 15% vốn điều lệ.

(4) Ông Nguyễn Anh Thắng - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc; Tỷ lệ đại diện phần vốn nhà nước: 15% vốn điều lệ.

###### ***\* Nhân sự thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024***

Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024 đến thời điểm hiện tại có 02 thành viên, gồm:

(1) Ông Phùng Văn Tân - Trưởng Ban



(2) Ông Đào Anh Dũng - Thành viên

*Ghi chú: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân, Thành viên (Đã chuyển công tác từ tháng 8 năm 2023 theo nguyện vọng cá nhân)*

## 10.2. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029

### \* Các ứng viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029

Ứng viên Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2024 – 2029 là 04 người, cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Ghi chú
1	Nguyễn Đình Toàn	Tái cử
2	Lê Việt Thảo	Tái cử
3	Võ Văn Lưu	Tái cử
4	Nguyễn Anh Thắng	Tái cử

### \* Các ứng viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029

Ứng viên Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2024 – 2029 là 03 người, cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phùng Văn Tân	Trưởng Ban kiểm soát	Tái cử
2	Đào Anh Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	Tái cử
3	Trần Thị Thanh Vân	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ sung mới

*(Có Sơ yếu lý lịch của bà Trần Thị Thanh Vân kèm theo)*

**Ghi chú:** Nội dung bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS sẽ được tiến hành bằng cách thức phiếu bầu.

Trên đây là các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP năm 2024; Hội đồng quản trị Tổng công ty kính Quý cổ đông xem xét, thông qua các nội dung Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn!

### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban kiểm soát;
- HĐQT, Ban TGD;
- Website: [www.mitraco.com.vn](http://www.mitraco.com.vn);
- Lưu VT. Thư ký TCT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Toàn

Tỉnh: HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: TỔNG CÔNG TY K&amp;S VÀ TM HÀ TĨNH

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

- 1) Họ và tên khai sinh: **TRẦN THỊ THANH VÂN**. Giới tính: Nữ  
 2) Các tên gọi khác: Không  
 3) Cấp ủy hiện tại:  
 Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tổ chức - LĐTL Tổng công ty

4) Sinh ngày 29 tháng 05 năm 1977

5) Nơi sinh: Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

6) Quê quán: Phường Hưng Trí, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh

7) Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 9, phường Trần Phú, TP Hà Tĩnh. Điện thoại: 0949.586.876.

8) Dân tộc: Kinh 9) Tôn giáo: Không

10) Thành phần gia đình xuất thân: CBCNV

11) Nghề nghiệp bản thân trước khi được tuyển dụng: Cử nhân luật

12) Ngày tuyển dụng: 01/01/2000 Cơ quan tuyển dụng: Công ty Khai thác và chế biến Xuất khẩu Titan Hà Tĩnh; số 06 đường Phan Đình Phùng, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

13. Ngày vào cơ quan hiện đang công tác: 01/01/2000

Ngày tham gia cách mạng: Không

14) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 10/7/2002, Ngày chính thức: 10/7/2003

15) Ngày tham gia các tổ chức chính trị, xã hội. Ngày vào đoàn 26/3/1990

16) Ngày nhập ngũ: Không

17) Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Học hàm, học vị cao nhất: Cử nhân Luật

Lý luận chính trị: Sơ cấp - Ngoại ngữ: Tiếng anh B

18) Công tác chính đang làm: Chuyên viên Phòng Tổ chức - LĐTL

19) Lương: Bảng B. III, Bậc 8/8, Hệ số( Mức lương): 9.100.000đ, Ngày hưởng: 01/01/2024,

Phụ cấp chức vụ: Không

20) Danh hiệu được phong tặng:

21) Sở trường công tác: Công việc đã làm lâu nhất: Tổ chức nhân sự

Khen thưởng: Bằng khen UBND tỉnh năm 2001, năm 2020



25) Số CCCD: 042177013548 cấp ngày 09/5/2021. Là thương binh hạng: Không .Là con gia đình chính sách: Không

26) ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, NGOẠI NGỮ

Tên trường	Ngành học hoặc tên lớp học	Thời gian học	Hình thức học	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
Đại học Luật Hà Nội	Tư pháp – Hành chính	9/1995 – 12/1999	Chính quy	Cử nhân

27) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Nghề nghiệp, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội...)
T1/2000 - T4/2003	Nhân viên – Phòng Tổ chức – Lao động Tiền lương – Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh
T5/2003 - Nay:	Cán bộ Phòng Tổ chức - Lao động Tiền lương - Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP Uy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Nữ công Công đoàn Tổng công ty ( từ tháng 02/2013 )

29) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

- Khai rõ: bị bắt, bị tù (từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì? Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc ....): Không

30) QUAN HỆ VỚI NƯỚC NGOÀI

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu .....?): Không

- Có thân nhân (Cha, Mẹ, Vợ, Chồng, con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (làm gì, địa chỉ)? Không

30) QUAN HỆ GIA ĐÌNH

a) Về bản thân: **Bố, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột**

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội .....
Bố ruột	Trần Văn Chuẩn	1942	Quê quán: Phường Hưng Trí, TX Kỳ Anh Nghề nghiệp: CB hưu trí; Mất năm 1991

000  
TỔNG  
HỘI  
LƯC  
HÀ  
C'  
TỈNH

Mẹ ruột	Nguyễn Thị Đài	1947	Quê quán: Xã Đức Lĩnh, huyện Vũ Quang, Tỉnh Hà Tĩnh Nghề nghiệp: CB hưu trí; Mất năm 2019
Chồng	Ngô Đăng Khoa	1973	Quê Quán: Xã Long Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do
Con đẻ	Ngô Trần Văn Anh	2004	Sinh viên năm 2 Đại học Sư phạm Hà Nội
Con đẻ	Ngô Trần Anh Dũng	2007	Học sinh lớp 11A7 – Trường THPT Lý Tự Trọng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Chị ruột	Trần Thị Thu Thủy	1973	Nghề nghiệp: Phó Chủ tịch – LĐLĐ Huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh Nơi ở: TDP4 Phường Trần Phú - TPHT
Em ruột	Trần Thị Thanh Hiền	1985	Nghề nghiệp: CB chuyên trách – LĐLĐ huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh Nơi ở: TDP3 Phường Trần Phú - TPHT

**b) Về bên vợ (hoặc chồng): Cha, Mẹ, anh chị em ruột**

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội)
Bố chồng	Ngô Đình Khánh	1947	Quê quán : Xã Long Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Nơi ở: TDP 1, Phường Trần Phú, TPHT Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí
Mẹ chồng	Trần Thị Minh	1950	Quê quán : Thị trấn Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An. Nơi ở: TDP 1, Phường Trần Phú, TPHT Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí
Chị chồng	Ngô Thị Kim Oanh	1971	Nghề nghiệp: Phó chánh VP – Sở NN và PTTN Hà Tĩnh Nơi ở: TDP 4 – Phường Nguyễn Du - TPHT
Em chồng	Ngô Đình Chiến	1975	Nghề nghiệp: Công nhân tại khu công nghiệp Vũng Áng, TX Kỳ Anh, Hà Tĩnh Nơi ở: Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, Hà Tĩnh
Em chồng	Ngô Phương Thúy	1976	Lấy chồng làm ăn và sinh sống tại nước CHLB Đức
Em chồng	Ngô Bá Ngọc	1984	Nhân viên – Khách sạn Đại Bàng - TPHT

31) HOÀN CẢNH KINH TẾ GIA ĐÌNH

Tháng/năm	1/2020	3/2021	7/2022	1/2024
Mã ngạch/bậc	Bảng B. III Bậc 7/8, Nhóm I	Bảng B. III Bậc 7/8, Nhóm I	Bảng B. III Bậc 7/8, Nhóm I	Bảng B. III Bậc 8/8, Nhóm I
Mức lương	6.757.000	7.889.000	8.372.000	9.100.000

-Nguồn thu nhập chính ( Hàng năm) + Lương: 150.000.000 VNĐ/năm

+ Các nguồn khác: không


-Nhà ở : Mái bằng. Tự xây. Tổng diện tích: 180m<sup>2</sup>

-Đất sản xuất kinh doanh: Không có

Hà Tĩnh, Ngày 13 tháng 5 năm 2024

**Người khai**

Tôi xin cam đoan những lời khai  
trên đây là đúng sự thật  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

  
Trần Thị Thanh Vân

**Xác nhận cơ quan quản lý**

(Ký tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Lê Việt Châu

